

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty.

Trường Đại học Quốc tế có nhu cầu xây dựng dự toán mua sắm: Hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ chuyên dùng phục vụ cho giảng dạy thực hành PTN cho Khoa KTYS như sau:

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Acetone	Khối lượng phân tử: 58,08 g/mol Quy cách: Chai 500mL	Trung Quốc	500ml/chai	Chai	2
2	Acid acetic CH ₃ COOH	Khối lượng phân tử: 60,05 g/mol Quy cách: Chai 500mL	Trung Quốc	500 ml/chai	Chai	1
3	Agar	Sức đông ở 20°C (±1°C) với nồng độ 1.5% ≥ 800 g/cm ² Độ ẩm ≤ 18% Quy cách: Gói 500g	Việt Nam	500 gram/gói	Gói	1
4	Agarose P-Agar-020	Gel Strength (1,5%): >2500 g/cm ² Gel Point (1,5%): 36 ± 1,5°C Melting Point (1,5%): 88 ± 1,5°C Quy cách: Chai 20g	Phusabiochem	20 gram/chai	Chai	4
5	Bộ kit nhuộm gram	Thành phần bao gồm - 01 chai Lugol 100 ml - 01 chai Safranin 100 ml - 01 chai Crystal Violet 100 ml - 01 chai Alcohol 100 ml Quy cách đóng gói: Hộp/4 chai 100ml	Nam Khoa	Hộp/4 chai 100ml	Hộp	4
6	Bovine Serum Albumin	Quy cách: Lọ 25g	Trung Quốc	25 gram/lọ	Lọ	1
7	Ca(OH) ₂	Khối lượng phân tử: 74,09 g/mol Quy cách: Chai 500g	Trung Quốc	500 gram/chai	Chai	1

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
8	Calcium chloride	Khối lượng phân tử: 110,98 g/mol Quy cách: Chai 500g	Trung Quốc	500 gram/chai	Chai	2
9	Cồn tuyệt đối	Nồng độ: 99,5% Quy cách: Chai 1 lít	Chemsol	1 lít/chai	Chai	16
10	CuSO ₄	Công thức phân tử: CuSO ₄ .5H ₂ O Khối lượng phân tử: 249,69 g/mol Quy cách: Chai 500g	Trung Quốc	500 gram/chai	Chai	1
11	Diammonium hydrogen phosphate	Khối lượng phân tử: 132,06 g/mol Quy cách: Chai 500g	Trung Quốc	500 gram/chai	Chai	1
12	Dimethyl Sulfoxide (DMSO)	Khối lượng phân tử: 78,13 g/mol Quy cách: Chai 500 ml	Trung Quốc	500 ml/chai	Chai	1
13	DMEM, high glucose, pyruvate	Phân loại: Không có nguồn gốc động vật Nồng độ: 1 X Với phụ gia: High Glucose, Glutamine, Phenol Red, Sodium Pyruvate Tiệt trùng bằng phương pháp lọc Quy cách: Chai 500mL Cung cấp COA khi giao hàng	Gibco/Thermo Fisher Scientific	500ml/chai	Chai	3
14	Dung dịch Lugol 3%	Lugol 3% Quy cách: Chai 500mL	Việt Nam	500 ml/chai	Chai	1
15	Fetal Bovine Serum	Endotoxin level: ≤20 EU/mL Hemoglobin level: ≤25 mg/dL pH: 7.0 - 8.0 Quy cách: 50mL Cung cấp COA khi giao hàng	Gibco/Thermo Fisher Scientific	50 ml/chai	Chai	3
16	Giemsa	Điểm sôi: >65 °C (1013 hPa) Khối lượng riêng: 0.99 g/cm ³ (20°C) pH: 6.0 - 8.2 (H ₂ O, 20 °C) (không pha loãng) Cung cấp kèm COA Quy cách đóng gói: Chai 100 mL	Merck	100 ml/chai	Chai	1
17	H ₂ O ₂	Khối lượng phân tử: 34,01 g/mol Quy cách: Chai 500mL	Trung Quốc	500 ml/chai	Chai	1

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
18	HCl	Khối lượng phân tử: 36,46 g/mol Nồng độ (HCl): 36 ~ 38% Quy cách: Chai 500mL	Trung Quốc	500 ml/chai	Chai	5
19	Isopropyl Alcohol	Quy cách: Chai 500mL	Trung Quốc	500 ml/chai	Chai	1
20	Loading buffer 6x có chứa SYBR p-LBS6X-1mL	Nồng độ 6X. Dung dịch có màu xanh dương của bromophenol blue. Quy cách: Ống 1 mL	Phusabiochem	1 ml/ống	Ống	1
21	Na ₂ CO ₃	Khối lượng phân tử: 105,99 g/mol Quy cách: Chai 500g	Trung Quốc	500 gram/chai	Chai	1
22	NaHCO ₃	Khối lượng phân tử: 84,01 Quy cách: Chai 500 gram	Trung Quốc	500 gram/chai	Chai	2
23	Nước muối	Thành phần: Natri Clorid 0,9% Quy cách: Chai 1 lít	Việt Nam	1 lít/chai	Chai	2
24	Ống chuẩn acid Oxalic 0,1N	Dung dịch chuẩn acid Oxalic 0,1N Nồng độ: 0,1N	Cemaco	1 Ống/hộp	Hộp	10
25	Ống chuẩn NaOH 0,1N	Dung dịch chuẩn NaOH 0,1N Nồng độ: 0,1N	Cemaco	1 Ống/hộp	Hộp	20
26	Penicillin/Streptomycin	Concentration: 100 X Osmolality: 310 - 350 pH: 4.0 - 7.0 Sterility: Negative Quy cách: 100mL Cung cấp COA khi giao hàng	Gibco/Thermo Fisher Scientific - Mỹ	100 ml/chai	Chai	3
27	Potassium chloride KCl	Khối lượng phân tử: 74,55 g/mol Quy cách: Chai 500 gram	Trung Quốc	500 gram/chai	Chai	1
28	Primers cho PCR Sequence (5' to 3') AF3 đông khô, 50nmol	Nồng độ: 50nmol Đông khô Trình tự: Forward (hla-F) CTGATTACTATCCAAGAAATTCGATTG	ABT - Việt Nam	Ống	Ống	1
29	Primers cho PCR Sequence (5' to 3') AR3 đông khô, 50nmol	Nồng độ: 50nmol Đông khô Trình tự: Reverse (hla-R) CTTTCCAGCCTACTTTTTTATCAGT	ABT - Việt Nam	Ống	Ống	1

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
30	Sodium chloride NaCl	Khối lượng phân tử: 58,44 g/mol Quy cách: Chai 500g	Trung Quốc	500 gram/chai	Chai	3
31	Tannic acid, ACS	Residue on ignition: 0.5% Impurity content: Zn 0.005% Loss on Drying: 12.0% Trace Metals: (as Pb) 0.003% Quy cách: Chai 100g Cung cấp COA khi giao hàng	Thermo Fisher Scientific	100 gram/chai	Chai	2
32	Triton X-100	Formula: C ₈ H ₁₇ C ₆ H ₄ (OCH ₂ CH ₂) _n OH (n≈10) Purity: ≥97 % Quy cách: Chai 250 ml	Trung Quốc	250ml/chai	Chai	2
33	Trypsin - EDTA Solution 25200056	Concentration: 1X Osmolality 270 - 320 mOsm/kg pH: 7,2 - 8,0 Sterilization Method: Sterile-filtered With Additives: Phenol Red, EDTA Quy cách: 100mL Cung cấp COA khi giao hàng	Gibco/Thermo Fisher Scientific	100 ml/chai	Chai	3
34	Băng dính hai mặt 1.0 cm	Loại: Băng dính 2 mặt Kích thước: Rộng 1 cm	Việt Nam	Cuộn	Cuộn	1
35	Băng keo giấy 2.4 cm	Loại: Băng keo giấy Kích thước: Rộng 2,4 cm	Việt Nam	Lốc 12 cuộn	Lốc	2
36	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml/cc	Thể tích: 10ml/cc Quy cách: Hộp 100 cái	Vinahankook	100 cái/hộp	Hộp	1
37	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml/cc 26GX1/2	Thể tích: 1ml/cc Kích thước: Kim 26 x 1/2" Quy cách: Hộp 100 cái	Vinahankook	100 cái/hộp	Hộp	3
38	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml/cc 30G x 1/2"	Thể tích: 1ml/cc Kích thước: Kim 30 x 1/2" Quy cách: Hộp 100 cái	Vinahankook	100 cái/hộp	Hộp	2
39	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml/cc 23G x 1"	Thể tích: 5ml/cc Kích thước: Kim 23 x 1" Quy cách: Hộp 100 cái	Vinahankook	100 cái/hộp	Hộp	3

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
40	Cell Culture Flask T25 (Bình nuôi cấy tế bào T25)	Chất liệu: Nhựa PS Vùng tăng trưởng (cm ²): 25 Nắp có lọc Tiệt trùng	SPL-Hàn Quốc	Thùng 200 cái	Thùng	1
41	Chỉ CPT Nylon	Chỉ không tan số 3/0, dài 75 cm, Kim tam giác 3/8c, dài 20 mm Quy cách: Hộp 24 tép	CPT - Việt Nam	Hộp 24 tép	Hộp	1
42	Đĩa nuôi cấy tế bào 24 giếng	Chất liệu: Nhựa Polystyren Diện tích tăng trưởng tế bào (cm ²): 1,9	NEST	Cái	Cái	50
43	Đĩa nuôi cấy tế bào 48 giếng	Chất liệu: Nhựa Polystyrene Kích thước ngoài (W x L x H): 85,4 x 127,6 x 20,2 mm Kích thước mỗi giếng (D x H): 9,75 x 17,5 mm Diện tích nuôi cấy (cm ²) : 0,75cm ²	Biologix	Cái	Cái	10
44	Đĩa nuôi cấy tế bào 96 giếng	Chất liệu: Nhựa Polystyrene Kích thước ngoài (W x L x H): 85,4x127,6x14,4 mm Kích thước mỗi giếng (D x H): 6,5x10,8mm Diện tích nuôi cấy (cm ²) : 0,33cm ²	Biologix	Cái	Cái	100
45	Đĩa petri 35 mm	Chất liệu: Nhựa Polystyrene Kích thước: 35×10mm Diện tích nuôi cấy, (cm ²) : 9,4cm ²	Biologix	Túi 20 cái	Túi	13
46	Đĩa petri nhựa 90 x 15 mm	Kích thước: 90 x 15 mm	Trung Quốc	Túi 10 cái	Túi	54
47	Eppendorf 1.5mL	Chất liệu: Nhựa polypropylene Thể tích: 1,5mL Nhiệt độ làm việc: ổn định từ -20 °C đến 121 °C Quy cách: Gói 500 cái	Biologix	500 cái/gói	Gói	12
48	Eppendorf 2mL	Chất liệu: Nhựa polypropylene Thể tích: 2mL Nhiệt độ làm việc: ổn định từ -20 °C đến 121 °C	Biologix	Gói 500 cái	Gói	4
49	Falcon 15 ml vô trùng	Vật liệu (Ống/Nắp): PP/HDPE Loại đáy: Nhọn Dung tích: 15 mL Tiệt trùng	SPL	50 cái/túi	Túi	22

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
50	Falcon 50 mL vô trùng	Vật liệu (Ống/Nắp): PP/HDPE Loại đáy: Nhọn Dung tích: 50 mL Tiệt trùng	SPL	25 cái/túi	Túi	25
51	Găng tay không bột PA Gloves Size S	Loại: Không bột Size S Quy cách: Hộp 50 đôi	Malaysia	Hộp 50 đôi	Hộp	30
52	Găng tay không bột PA Gloves Size L	Loại: Không bột Size L Quy cách: Hộp 50 đôi	Malaysia	Hộp 50 đôi	Hộp	10
53	Găng tay không bột PA Gloves Size M	Loại: Không bột Size M Quy cách: Hộp 50 đôi	Malaysia	Hộp 50 đôi	Hộp	33
54	Giấy cân mẫu 100 x 100 mm	Kích thước: 100×100mm Quy cách: Hộp 500 tờ	Trung Quốc	500 tờ/hộp	Hộp	11
55	Giấy lọc định tính lỗ lọc 11µm	Kích thước lỗ lọc 11µm Đường kính 125mm Quy cách: Hộp 100 tờ	Whatman-Anh	Hộp 100 tờ	Hộp	1
56	Giấy lọc định tính số 102 giấy chảy trung bình, 12.5 cm	Kích thước lỗ lọc: 15 ~ 20µm Đường kính giấy lọc: 125 mm Quy cách: Hộp 100 tờ	Trung Quốc	100 tờ/hộp	Hộp	12
57	Giấy lọc khổ 60cm x 60 cm	Kích thước: 60cm x 60 cm	Trung Quốc	Tờ	Tờ	26
58	Giấy nhôm 45.7cmx7.62m (giấy bạc)	Kích thước: 45cmx7.6m	Diamond	Cuộn	Cuộn	7
59	Giấy Parafilm M PM996	Kích thước: 10cmx38m (4"x125") Thickness 127 µm Density 0.922 g/cm ³ Elongation at Break >350 %	Amtcor - Mỹ	Cuộn	Cuộn	1
60	Giấy pH 1-14	Chất liệu: giấy Khoảng đo pH: 1 - 14	Trung Quốc	Hộp 20 xấp	Hộp	2
61	Gòn viên	Chất liệu 100% bông xơ tự nhiên Tiệt trùng	Bảo Thạch - Việt Nam	Kg	Kg	1

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
62	Khăn giấy vuông 330 x 330 mm	Kích thước: 330 x 330 mm Quy cách: Bịch 100 tờ	Pulppy	100 tờ/bịch	Bịch	54
63	Lamen 22 x 22 mm	Chất liệu: thủy tinh borosilicate Kích thước: 22 x 22 mm Tuân thủ theo DIN ISO 8255 Quy cách: Hộp 100 cái	Marienfeld-Đức	100 cái/hộp	Hộp	6
64	Lọ trữ lạnh tiết trùng (Cryotube)	Thể tích: 1.5mL	Biologix	Gói 25 cái	Gói	1
65	Lưỡi dao số 11 Doctor	Chất liệu: thép không gỉ Size: Số 11 Quy cách: Hộp 100 cái	Doctor, Ấn Độ	100 cái/hộp	Hộp	2
66	Màng bọc thực phẩm khổ 30 cm, dài 200m	Kích thước: 30cm x 200m	Việt Nam	Cuộn 30 cm x 200m	Cuộn	1
67	Ống mao quản thủy tinh dài 75 mm (thể tích 75 uL)	Chiều dài: 75 mm thể tích 75 uL Quy cách: Hộp 100 cái	Marienfeld	Hộp 100 cái	Hộp	1
68	Ống nghiệm thủy tinh 20x200mm	Chất liệu: Thủy tinh Kích thước: 20x200mm	Việt Nam	Cái	Cái	40
69	Ống nhỏ giọt 3 mL	Dung tích: 3 mL Quy cách: Hộp 500 cái	Trung Quốc	Hộp 500 cái	Hộp	2
70	Pipette tips 10 µL	Dung tích: 10 µL Chất liệu: Nhựa PP Vô trùng	Biologix - Mỹ	Gói 1000 cái	Gói	3
71	Pipette tips 1000 µL	Dung tích: 1000 µL Chất liệu: Nhựa PP Vô trùng	Biologix - Mỹ	Gói 1000 cái	Gói	17
72	Pipette tips 200 µL	Dung tích: 200 µL Chất liệu: Nhựa PP Vô trùng	Biologix - Mỹ	Gói 1000 cái	Gói	14
73	Serological Pipette 5 mL, Color Code Blue	Chất liệu: PS Thể tích làm việc: 5mL Tiệt trùng	SPL-Hàn Quốc	100 cái/hộp	Hộp	3

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
74	Tube PCR 0.2 mL, nắp bằng	Chất liệu: Polypropylene (đạt USP Class VI) Dung tích: 0,2mL Không chứa DNase, RNase, DNA, Chất ức chế PCR, ATP, Endotoxin	Gunteur – Đài Loan	500 cái/gói	Gói	11
75	Bình định mức 1000ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 1000ml	Trung Quốc	Cái	Cái	1
76	Bình định mức 250ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 250ml	Trung Quốc	Cái	Cái	1
77	Bình tam giác (Erlen) loại 100ml	Dung tích: 100ml Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Tiêu chuẩn: DIN/ISO 1773	Biohall Germany, Ấn Độ	Cái	Cái	12
78	Bình tam giác (Erlen) loại 250ml	Dung tích: 250ml Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Tiêu chuẩn: DIN/ISO 1773	Biohall Germany, Ấn Độ	Cái	Cái	12
79	Bơm trợ pipette thủy tinh loại 10mL	Dung tích: 10mL Chất liệu: nhựa PP	Phoenix instrument, Trung Quốc	Cái	Cái	8
80	Bơm trợ pipette thủy tinh loại 25mL	Dung tích: 25mL Chất liệu: nhựa PP	Phoenix instrument, Trung Quốc	Cái	Cái	2
81	Buồng đếm hồng cầu	Neubauer-improved With bright lines Depth of chamber 0,1 mm Complete set in a plastic case consisting of: • 1 counting chamber with double counting grid • 2 haemocytometer cover glasses with thickness 0.4 mm • each 1 blood diluting pipette Thoma red and white • 2 silicone tubings with approx. 16 cm length • each 1 plastic mouthpiece red and white	Marienfeld-Đức	Cái	Cái	1
82	Chậu thủy tinh	Kích thước: F14*7cm Chất liệu: Thủy tinh	Trung Quốc	Cái	Cái	5
83	Cốc đốt thủy tinh 100 ml (Beaker 100 ml)	Dung tích: 100ml Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Đường kính (mm): 50	Biohall Germany, Ấn Độ	Cái	Cái	6

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
		Chiều cao (mm): 70 Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819				
84	Cốc đốt thủy tinh 250ml (Beaker 250ml)	Dung tích: 250ml Đường kính (mm): 70 Chiều cao (mm): 95 Tiêu chuẩn: DIN 12331 & ISO 3819	Biohall Germany, Ấn Độ	Cái	Cái	8
85	Pipet bầu thủy tinh 10 ml	Dung tích: 10ml Dung sai: $\pm 0.02\text{ml}$ Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Tiêu chuẩn ISO 648	Biohall Germany, Ấn Độ	Cái	Cái	5
86	Pipet thủy tinh thẳng 10 ml	Dung tích: 10ml Dung sai: $\pm 0.05\text{ml}$ Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Tiêu chuẩn: ISO 835	Biohall Germany, Ấn Độ	Cái	Cái	8
87	Pipet thủy tinh thẳng 25 ml	Dung tích: 25ml Dung sai: $\pm 0.1\text{ml}$ Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Tiêu chuẩn: ISO 835	Biohall Germany, Ấn Độ	Cái	Cái	4
88	Pipet thủy tinh thẳng 5 ml	Dung tích: 5ml Dung sai: $\pm 0.03\text{ml}$ Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Tiêu chuẩn: ISO 835	Biohall Germany, Ấn Độ	Cái	Cái	8
89	Que cấy bằng kim loại	Chất liệu: Inox	Trung Quốc	Cái	Cái	5
90	Que cấy vi sinh tam giác bằng thủy tinh	Chất liệu: thủy tinh	Việt Nam	Cái	Cái	5
91	Thanh khuấy từ 2cm	Kích thước: 6*20mm	Trung Quốc	Cái	Cái	10

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hãng/Xuất xứ	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
92	Thanh khuấy từ 3cm	Kích thước: 6*30mm	Trung Quốc	Cái	Cái	8
93	Tim đèn	-	Việt Nam	Cái	Cái	100

Đề nghị Quý Công ty báo đúng mặt hàng trong Thư mời chào giá, không báo mặt hàng tương tự.

Kính mời đơn vị tham gia cung cấp gửi thư chào giá về Trường Đại học Quốc tế.

+ Người nhận: Nguyễn Thị Thục Quyên

+ Phòng Vật tư Thiết bị (A2.612) - Trường Đại học Quốc tế

+ Địa chỉ: Khu phố 33, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Điện thoại liên hệ: 028.3724.4270 - Ext: 3555

+ **Ngoài Thư báo giá ghi rõ nội dung: Báo giá cho Thư mời chào giá số 315/BG-VTTB.**

Thời gian báo giá: **Đến hết ngày 31/12/2025.**

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: P.VTTB.

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Thanh Lịch